

Một số kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật

NGÀNH HẢI SẢN 5 NĂM QUA VÀ HƯỚNG CHỈ ĐẠO 1981-1985

HỒ THỌ

TRONG kế hoạch 5 năm lần thứ II (1976 - 1980) công tác khoa học và kỹ thuật ngành hải sản được tập trung vào những trọng tâm sau:

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và năng lực sản xuất toàn ngành làm, căn cứ cho công tác kế hoạch và quy hoạch sản xuất;

- Phát triển nghiên cứu áp dụng kết quả nghiên cứu của các nước vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể nước ta;

Đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm cải tiến cơ cấu công cụ đánh bắt, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất vật nuôi. Coi trọng việc tổng kết kinh nghiệm sản xuất của quần chúng;

- Tăng cường công tác tổng kết chuyên đề, xây dựng tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và định mức kinh tế - kỹ thuật, ưu tiên cho các đối tượng sản phẩm, công cụ và vật liệu chính của ngành;

- Rút ra các bài học về tổ chức và quản lý công tác khoa học kỹ thuật của ngành, ban hành một số quy chế về quản lý khoa học kỹ thuật.

Sau 5 năm, mặc dù nhiều khó khăn về kinh tế và xã hội đã không cho phép thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch, nhưng do sự cố gắng của toàn ngành, sự quan tâm và chỉ đạo của các cấp, sự kết hợp giữa cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật với cơ sở sản xuất, với cơ quan quản lý, một số kết quả nghiên cứu, thí nghiệm đã được đưa vào sản xuất, góp phần thiết thực cho việc chỉ đạo, quản lý ngành, cho công tác kế hoạch và quy hoạch, góp phần đẩy mạnh sản xuất.

Trước hết, công tác điều tra cơ bản đã cho phép đánh giá rõ hơn về khả năng nguồn lợi,

năng lực sản xuất nhằm góp phần xây dựng các dự kiến sản xuất cho thời kỳ 1981 - 1985 thích hợp hơn.

Các kết quả thống kê, phân tích kinh nghiệm sản xuất cũng đã cho phép xây dựng những mô hình về tổ chức và chỉ đạo đánh bắt hải sản (cơ loại tàu thuyền, tổ chức đánh bắt theo mùa vụ, tổ chức sử dụng nhiều loại công cụ đánh bắt trên một đơn vị thuyền...). Kỹ thuật đánh tôm bằng lưới kéo được hoàn thiện và phổ biến rộng rãi trong sản xuất, làm tăng năng suất so với lưới cũ, tùy từng trường hợp, từ 15 - 100%. Hiện nay vấn đề đánh tôm bằng lưới kéo xem như đã được giải quyết từ khâu kỹ thuật đánh bắt đến các định mức kinh tế - kỹ thuật cơ bản.

Việc nghiên cứu cơ sở khoa học để khôi phục đánh cá bằng lưới rê ở khu vực phía bắc cũng đã góp phần khôi phục một hình thức đánh bắt cá có giá trị kinh tế cao đã bị mai một ở các tỉnh phía bắc, rất thích hợp trong tình hình nhiên liệu khó khăn.

Một nét nổi bật và cũng là thành tựu lớn của ta là đã giải quyết về cơ bản kỹ thuật sinh học trong việc chủ động chổ đẻ nhân tạo các đối tượng nuôi chủ yếu ở cả hai miền nam bắc như mè, trôi, trắm, chép, trê, và ở mức độ thấp hơn đối với cá tra, tôm he, tôm càng xanh. Công tác lai tạo và chọn giống đã có những kết quả cụ thể, gây được đàn cá chép lai Hưng Việt có khả năng tăng trọng 1,5 - 2 lần so với cá chép Việt Nam. Việc di giống và thuần hóa cá mè, trắm vào các tỉnh phía nam, đưa cá rô phi N. lotica ra các tỉnh phía bắc đã làm phong phú thêm cơ cấu đàn cá nuôi.

Việc chủ động trồng rong câu với năng suất gấp 10 - 20 lần năng suất tự nhiên đã thành công ở Bình Trị Thiên, mở ra triển vọng cho công nghiệp chế biến rong ở quy mô công nghiệp.

Việc sử dụng các hồ chứa nước nhân tạo vào mục đích nuôi cá đã được tổng kết, có những kiến nghị nhằm sử dụng hợp lý loại mặt nước này. Cách tổ chức đánh bắt nguồn cá hồ chứa cũng được nghiên cứu nhằm tăng năng suất, giảm chi phí đầu tư và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể từng hồ.

Tuy kết quả đạt được chưa nhiều nhưng vấn đề nghiên cứu giải quyết thức ăn cho vật nuôi có triển vọng tốt, nhất là trong các lĩnh vực gây nuôi động thực vật thủy sinh làm thức ăn cho tôm và cá, chất kích thích tăng trọng, sử dụng hợp lý nguồn thức ăn tự nhiên trong nước...

Chúng ta đã xây dựng nhiều quy trình kỹ thuật nuôi đơn, nuôi ghép với các mức năng suất khác nhau tùy thuộc vào đối tượng nuôi và trình độ thâm canh khác nhau. Đặc biệt, trong thời kỳ kế hoạch 5 năm này, Bộ hải sản phối hợp với Bộ nông nghiệp và Viện bảo tàng Hồ Chí Minh phát động phong trào xây dựng «Ao cá Bắc Hồ» làm động lực chính trị cho phong trào nuôi cá thâm canh đối với ao hồ nhỏ. Phong trào phát triển sâu rộng đưa lại lợi ích kinh tế thiết thực ở nhiều địa phương, điển hình như thành phố Hồ Chí Minh, Hải Hưng, Bắc Lặc, trong nhiều đơn vị quân đội v.v...

Chúng ta cũng đã nghiên cứu một số phương pháp bảo quản cá, tôm và tập trung chỉ đạo xây dựng các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và định mức nhằm góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hải sản, nhất là mặt hàng đông lạnh xuất khẩu. Ngoài ra, đã nghiên cứu thành công việc chế biến rong câu, rong mơ thành các chế phẩm agar và kẹo alginat phục vụ cho ngành công nghiệp thực phẩm và in hoa, hồ vôi. Kết quả nghiên cứu cho phép xây dựng quy trình công nghệ và thiết bị dây chuyền chế biến bán cơ giới cỡ nhỏ.

Ngành đã nghiên cứu thành công việc thiết kế và chế tạo tàu thuyền vỏ xi măng lưới thép loại 23, 55 và 135 - 140 ngựa với chất lượng ngày càng tốt hơn. Việc nghiên cứu chế tạo phụ tùng máy thủy (cơ máy 250, 400, 135, 33 ngựa) đã góp phần thiết thực cho việc duy trì hoạt động các tàu đánh cá chế tạo ở Trung Quốc mở ra khả năng chế tạo phụ tùng với quy mô lớn hơn.

Hàng loạt quy trình, quy phạm và định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng trong kế hoạch năm: hơn 10 tiêu chuẩn cấp Nhà nước, gần 80 tiêu chuẩn cấp ngành và hàng nghìn tiêu chuẩn cấp địa phương, cơ sở. Nhiều hội nghị chuyên đề tổng kết từng mặt, như: sử dụng hồ chứa vào mục đích nuôi cá, kinh nghiệm nuôi tôm cá vùng bãi triều, nghiên cứu sản xuất thức ăn

nuôi tôm cá, kinh nghiệm quản lý và nâng cao chất lượng hải sản đông lạnh, việc đóng và sử dụng tàu xi măng lưới thép vào nghề cá, kỹ thuật đánh tôm, kỹ thuật đánh lưới vây rút chì v.v..., góp phần làm sáng tỏ một số cơ sở khoa học kỹ thuật và kinh tế của các vấn đề trên.

Qua việc chỉ đạo công tác khoa kỹ thuật cơ quan quản lý đã rút ra nhiều bài học bổ ích từ khâu làm kế hoạch nghiên cứu hàng năm, việc xét duyệt đề cương, đến việc theo dõi đánh giá và kiến nghị đưa ra ứng dụng vào sản xuất. Ngành cũng rút kinh nghiệm nhiều nghiên cứu khoa học kỹ thuật chưa gắn chặt với sản xuất và nhiều đề tài nghiên cứu thí nghiệm không được thực hiện theo một trình tự chặt chẽ; vì thế nhiều đề tài được xem là kết thúc nhưng không thể áp dụng vào sản xuất được hoặc áp dụng thì không đưa lại kết quả như khi nghiên cứu; công tác kế hoạch hóa trong khoa học kỹ thuật ở trình độ quá thấp...

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981-1985) công tác khoa học kỹ thuật của ngành hải sản phải vừa góp phần giữ vững và đẩy mạnh sản xuất trước mắt, lại vừa chuẩn bị cho bước phát triển mạnh mẽ cho những năm sau, cụ thể phải tập trung lực lượng và phương tiện để:

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên và khả năng nguồn lợi nhằm tạo cơ sở khoa học cho việc lập quy hoạch và kế hoạch sản xuất của ngành;

- Góp phần giải quyết việc tổ chức lại sản xuất, bố trí lại lực lượng sản xuất và đề ra phương hướng phân công lại lao động mới, xây dựng một hệ thống quản lý kinh tế - kỹ thuật - xã hội thích hợp nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế trong sản xuất, kinh doanh;

- Hết sức chú trọng việc nghiên cứu thí nghiệm, áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm đẩy mạnh nghề nuôi thủy sản (đặc biệt là nuôi cá nước ngọt), đưa nghề nuôi cá phát triển phù hợp với khả năng tiềm tàng và điều kiện đầu tư của đất nước;

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu chế tạo phụ tùng tự trang tự chế, việc nghiên cứu khai thác hợp lý thiết bị. Nghiên cứu chuyên hướng một phần trang bị phục vụ việc đánh cá biển phù hợp với tình hình cung cấp đang gặp khó khăn trong những năm trước mắt.

Toàn bộ tư tưởng chỉ đạo trên đây được thể hiện trong hơn 88 đề tài thuộc hai chương trình 20.01 và 20.02 và sẽ được cụ thể hóa cho từng năm trong thời kỳ kế hoạch. Trong 2 chương trình nghiên cứu, nuôi cá nước ngọt được thể hiện trọn vẹn trong một chương trình từ khâu điều tra nghiên cứu để xây dựng danh bạ các

loại vực nước đến các vấn đề nghiên cứu về giống, dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật nuôi thủy sản, phòng trị bệnh, khai thác và cơ giới hóa một phần nghề nuôi cá nước ngọt.

Nhằm thực hiện tốt các đề tài nghiên cứu đã đặt ra, rút kinh nghiệm những năm trước, cần hết sức coi trọng công tác quản lý nghiên cứu, đề cao trách nhiệm và vai trò của Vụ quản lý công tác khoa học kỹ thuật - người giúp việc cho lãnh đạo Bộ về lĩnh vực này. Thực hiện nhiệm vụ đó, từ giữa năm 1980 Vụ kỹ thuật phối hợp với các Vụ, các cơ quan tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật xác định nội dung và yêu cầu cho từng đề tài. Các nội dung ấy được thông qua ở Hội đồng khoa học kỹ thuật của Bộ, là cơ sở đảm bảo đề sau đó Vụ kỹ thuật thực hiện chế độ đặt hàng nghiên cứu trở lại cho các cơ quan tham gia nghiên cứu. Đồng thời Vụ kỹ thuật cũng đang trình duyệt đề ban hành các văn bản pháp chế về việc đăng ký, xét duyệt, thực hiện, báo cáo, tổng kết đánh giá và lập hồ sơ tư liệu cho đề tài nghiên cứu thí nghiệm. Cần tổ chức chu đáo việc trao đổi và thông qua đề cương cũng như việc tính toán thực hiện các cân đối cho việc thực hiện các đề tài theo hai hướng: khai thác tính chủ động và sáng tạo của cơ sở kết hợp với trách nhiệm của các cơ quan quản lý cấp trên sẽ là một trong những bảo đảm cho sự thành công của các đề tài.

Gắn chặt các đề tài nghiên cứu thí nghiệm giữa các khâu từ thí nghiệm trong phòng với môi trường sản xuất, gắn việc nghiên cứu thực nghiệm với tính toán hiệu quả kinh tế và xây dựng quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật... là yêu cầu lớn và cũng là đặc điểm trong công tác quản lý khoa học kỹ thuật trong những năm tới. Phải đưa những nghiên cứu thí nghiệm vốn bị bó hẹp trong phạm vi địa lý của các cơ sở nghiên cứu ra phạm vi rộng bằng việc tổ chức hệ thống trạm trại thực nghiệm theo vùng

địa lý kết hợp với cơ sở sản xuất làm địa bàn triển khai nghiên cứu và đối chứng trên cơ sở hệ trạm trại hiện có.

Tập trung và dứt điểm kết hợp chặt chẽ với việc huy động lực lượng trong và ngoài ngành cũng là biện pháp quan trọng. Biện pháp này không mới nhưng cái mới là phải quyết tâm thực hiện thật sự, khắc phục có hiệu quả tư tưởng «việc ai nấy làm» tồn tại khá nặng nề trong các cá nhân và đơn vị. Tổng kết đánh giá việc đã làm để tìm ra cách làm mới là vô cùng quan trọng vì có đến 40 - 50% các đề tài nghiên cứu trong năm 1981 - 1985 là các đề tài tiếp tục hoặc đã làm trước đây nhưng chưa đủ, chưa dùng nay phải làm lại. Điều mới, có tính chất bắt buộc đối với tất cả các loại đề tài nghiên cứu thí nghiệm là phải kết thúc (dù là từng giai đoạn hoặc toàn bộ đề tài) bằng các kiến nghị cho sản xuất, các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và hạch toán so sánh hiệu quả công việc đã làm. Đây là vấn đề khó nhưng cũng chính vì không thực hiện được mà từ trước đến nay việc nhân các kết quả nghiên cứu ra sản xuất rất là khó khăn.

Cần đẩy mạnh công tác thông tin khoa học kỹ thuật hai chiều: cho các nhà khoa học đanó nghiên cứu hiểu càng rõ càng tốt những gì cả liên quan đến đề tài mình đang nghiên cứu và thông tin kết quả nghiên cứu cho người sản xuất sử dụng.

Cuối cùng, cần phải quan tâm đến lợi ích vật chất, tinh thần cho anh chị em cán bộ khoa học kỹ thuật bằng cách quan tâm đến việc tổ chức đời sống, tạo điều kiện bồi dưỡng những quan điểm lớn của Đảng và Nhà nước ta về công tác khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế... bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ để cho các cán bộ khoa học kỹ thuật phấn khởi và tự nguyện làm việc nghiêm túc trong chức năng của mình.